

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty Cổ phần Lilama 10

Năm báo cáo: 2009

## I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Những sự kiện quan trọng:

+ **Việc thành lập:** Công ty Cổ phần LILAMA 10 tiền thân là Xí nghiệp Lắp máy số 1 Hà Nội được thành lập tháng 12/1960; Ngày 25/1/1983 chuyển thành xí nghiệp liên hợp Lắp máy số 10 thuộc Liên hiệp các xí nghiệp Lắp máy ( nay là Tổng công ty Lắp máy Việt Nam ) và đổi tên thành Công ty Lắp máy và xây dựng số 10 từ ngày 02/01/1996.

+ **Chuyển đổi hình thức công ty:** Từ ngày 01/01/2007 Công ty Lắp máy và xây dựng số 10 chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, đổi tên thành Công ty Cổ phần LILAMA10

+ **Niêm yết:** Ngày 11 tháng 12 năm 2007 Công ty đã nhận được quyết định niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2007 Công ty chính thức giao dịch 9.000.000 cổ phiếu ưu đãi Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch L10.

+ Ngày 05/11/2009 tại Hà Nội, Công ty vinh danh nhận chứng chỉ ISO 9001:2008 do tổ chức LLOYD'S- Châu Á Thái Bình Dương cấp. Tổ chức chứng nhận LILAMA10 đã xây dựng và chuẩn hóa hệ thống các quy trình nghiệp vụ theo các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001:2008, đảm bảo các quá trình tác nghiệp thực hiện thống nhất trong toàn Công ty. Bên cạnh đó, việc kiểm soát chất lượng sản phẩm dịch vụ, LILAMA10 cũng không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, nỗ lực thỏa mãn các khách hàng nội địa sản phẩm dịch vụ, đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Sau khi nhận chứng chỉ ISO 9001:2008 trong hoạt động quản lý chất lượng, LILAMA10 tiếp tục mở rộng phạm vi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng sang các lĩnh vực hoạt động khác. Tóm lại, LILAMA10 từng bước phát triển bền vững và làm nên những thành tựu.

+ Các sản phẩm khác: xây dựng tòa nhà Lilama 10 triệu khai và nhập khẩu vào quý II/2009 và nhập khẩu máy móc và thiết bị 198 triệu tại xã Trung Văn - Từ Liêm - Hà Nội

## 2. Quá trình phát triển

### 2.1 Ngành nghề kinh doanh

Xây dựng công trình công nghiệp, dây chuyền, trạm biến áp, lắp ráp máy móc cho các công trình. Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ kiện kim loại cho xây dựng. Sản xuất VLXD. Gia công chế tạo, lắp đặt, sửa chữa thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực (bình, bể, ống chịu áp lực), thiết bị cắt, thiết bị in, kết cấu thép phi tiêu chuẩn, cung cấp, lắp đặt và bảo trì thang máy; Làm sạch và sản phẩm kim loại. Kinh doanh xuất, nhập khẩu vật tư, thiết bị, các dây chuyền công nghệ, vật liệu xây dựng. Thí nghiệm, hiệu chỉnh hệ thống điện, điện tử khi cần thiết, kiểm tra chất lượng môi trường kim loại.

Ưu tiên xây dựng và kinh doanh Bất động sản, nhà ở, trang trí nội thất (Không bao gồm hoạt động vận hành giá trị). Thị trường khách hàng: dịch vụ công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và phòng thí nghiệm. Thị trường hàng dây chuyền công nghệ chế tạo máy và lắp máy phòng thí nghiệm và phòng thí nghiệm điện tử khi cần thiết. Dịch vụ công trình công nghiệp. Các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của Pháp luật.

### 2.2 Tình hình hoạt động:

Hiện nay Công ty đang thi công xây lắp nhiều công trình trên khắp các tỉnh công trình Thuộc: Sản phẩm, Bột Chát, Plêikrông, Sêsan4, Cầu; Srêpok 3; dây chuyền máy xi măng Bm Sơn; dây chuyền xi măng Bút Sơn...v.v... Và hoạt động mở rộng thị trường sang các nước khác: đầu tư nâng cấp Nhà máy Nhiệt điện Lisco tại Lybia.

## 3. Hình thức phát triển

+ Các mục tiêu phát triển chủ yếu của Công ty: Tiếp tục mở rộng thị trường hoạt động ra thị trường. Công ty chuyển đổi thành công ty hoạt động đa ngành và lĩnh vực kinh doanh chính là lắp đặt các máy móc thiết bị. Hiện tại LILAMA 10 trở thành một doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam, trong lĩnh vực lắp đặt các máy móc, thiết bị công nghiệp.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Trong thời gian tới LILAMA 10 sẽ tiếp tục đa dạng hóa, mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh, ưu tiên tập trung vào lĩnh vực có liên quan khác nhau: đầu tư bất động sản; liên doanh, liên kết, đầu tư tài chính để hình thành các góp vốn vào các công ty khác..

Trong năm 2010, Công ty tiếp tục triển khai các dự án đầu tư xây dựng: nhà máy thủy điện Nậm Công 3 do Công ty Lilama 10 làm chủ đầu tư công suất lắp máy 8MW với tổng mức đầu tư 227 tỷ, dự kiến hoàn thành vào quý II/2010, khi phát huy doanh thu hàng năm đạt tính 20 tỷ đồng.

Dự án xây dựng tòa nhà Lilama 10 với tổng mức đầu tư 198 tỷ đồng tại thị trấn Lê Văn Lương kéo dài-Hà Nội sẽ chính thức khánh thành vào đúng ngày 10/10/2010- Chào mừng 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội.

Dự án dự kiến xây 2 tòa chung cư cao cấp (giai đoạn 2) tại xã Trung Văn-Tây Liêm-Hà Nội

## **II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **1. Những nét nổi bật của hoạt động trong năm 2009**

- Triển khai thực hiện tốt nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2009.
- Trên cơ sở phương hướng nhiệm vụ năm 2009 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2009 thông qua, HĐQT đã phê duyệt kế hoạch SXKD từng quý, đồng thời kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và có những chỉ đạo cụ thể nhằm hoàn thành nhiệm vụ SXKD năm 2009.
- Chỉ đạo soạn thảo và ban hành các quy chế, quy định nội bộ để quản lý Công ty.
- Hoàn thành việc thanh toán cổ tức năm 2008 tỷ lệ 12%; Đã tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2009 tỷ lệ 7%.
- Trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc Công ty nhằm đáp ứng những thay đổi về bộ máy tổ chức và tăng cường năng lực lãnh đạo Công ty và Chi nhánh, HĐQT đã quyết định:
  - . Miễn nhiệm và bổ nhiệm mới chức danh Tổng Giám đốc;
  - . Bổ nhiệm mới 02 chức Phó Tổng giám đốc Công ty;
  - . Bổ nhiệm mới 01 chức danh Kế toán trưởng Công ty;
  - . Miễn nhiệm và bổ nhiệm mới 02 giám đốc chi nhánh Công ty.
  - . Phê duyệt đề xuất của Tổng Giám đốc Công ty về việc cơ cấu lại mô hình tổ chức và hoạt động của một số phòng ban Công ty và công tác tổ chức cán bộ.

- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc điều hành tốt các hoạt động của Công ty tuân thủ theo đúng quy định của luật chứng khoán đối với Công ty niêm yết.
- Bổ sung kịp thời đăng ký kinh doanh của Công ty và các Chi nhánh cho phù hợp với tình hình thực tế SXKD của Công ty.
- Phê duyệt những vấn đề liên quan đến dự án đầu tư xây dựng Toà nhà LILAMA 10 tại xã Trung Văn- Từ Liêm- Hà Nội và Dự án thủy điện Nậm Công 3 tại xã Huổi 1- Huyện Sông Mã- Tỉnh Sơn La.
- Chỉ đạo và phê duyệt kế hoạch tìm kiếm việc làm tại nước ngoài đã triển khai thành công dự án đi tu và nâng cấp sửa chữa nhà máy Nhiệt điện Lisco Misurata – Libya và đã điều động 148 CBCNV thực hiện dự án từ tháng 11/2009.
- Phê duyệt các dự án đầu tư nhằm nâng cao năng lực, đáp ứng yêu cầu thi công các công trình Công ty đảm nhận thi công.
- Hoàn thành việc rút vốn tại Công ty cổ phần thủy điện Hỏa Na (chuyển nhượng 900.000 cổ phần phổ thông ( tương đương chín tỷ đồng) tại Công ty cổ phần thủy điện Hỏa Na cho Tổng Công ty điện lực dầu khí Việt Nam với giá bằng mệnh giá 10.000 đồng/CP) để tập trung cho các dự án của Công ty đầu tư.
- Chỉ đạo chuyển đổi thành công hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 sang hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 đã được tổ chức LLOYD’S- Châu á Thái Bình Dương cấp chứng nhận ngày 23/9/2009 nhằm chuẩn hoá công tác quản lý chất lượng, không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Tình hình tài chính và lợi nhuận công ty tại thời điểm 31/12/2009 thể hiện qua hai chỉ tiêu sau: Tổng doanh thu : 480.847.190.202 đồng; Lợi nhuận sau thuế: 23.975.794.802 đồng.

## **2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2009**

Tổng biên tập HĐQT đã xem xét kỹ lưỡng, đánh giá và có những quy định cho SXKD sát với tình hình thực tế, phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty. Các thành viên HĐQT đã chỉ đạo thực hiện các nội dung của nghị quyết đã đưa ra và hoàn thành tốt nhiệm vụ phân công. So với mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2009, Công ty cổ phần LILAMA10 đã thực hiện hoàn thành một số chỉ tiêu chủ yếu như sau :

Stt	Nội dung	đơn vị	Kế hoạch năm 2009	Thực hiện năm 2009	Tỷ lệ ( TH/KH)
1	Giá trị sản lượng	triệu đồng	550,200	600,000	109.1%
2	Tổng doanh thu	triệu đồng	450,000	480,847	106.8%
3	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	28,500	28,416	99.7%
5	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	24,510	23,975	97.8%
6	Tổng số nộp Ngân sách	triệu đồng	14,863	32,491	218.6%
7	Vốn điều lệ	triệu đồng	90,000	90,000	100.0%
8	Tỷ suất LNTT/DTT	%	6.33	5.91	93.4%
9	Tỷ suất LNTT/Vốn đầu tư của CSH	%	31.67	31.56	99.7%
10	Cổ tức	%	14.5	dự kiến 15	dự kiến 103.4%

Mặc dù tình hình kinh tế thế giới và trong nước năm 2009 chứa đựng rất nhiều khó khăn và biến động khó lường, Công ty đã đạt được kết quả sản xuất kinh doanh đáng khích lệ. Giá trị sản lượng và doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt lần lượt 109,1% và 106,8% so với kế hoạch đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2009 thông qua. Liên quan đến vấn đề chi trả cổ tức, Hội đồng quản trị Công ty đang trình Đại hội cổ đông lần này thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2009 với tỷ lệ là 15%. Trong năm 2009, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2008 với tỷ lệ 6% và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2009 cho các cổ đông với tỷ lệ 7%.

### 3. Những thay đổi chủ yếu trong năm 2009

Trong năm 2009, ngoài những hợp đồng đã được ký kết từ những năm trước đang được triển khai thi công. Công ty Cổ phần Lilama 10 luôn nỗ lực tiếp thị và tìm kiếm các hợp đồng mới, sang nhiều lĩnh vực mới. Đồng thời, tập trung nâng cao năng lực thi công phục vụ cho sản xuất kinh doanh:

- Công ty CP Lilama 10 ký hợp đồng tổng thầu EPC đầu tiên với Công ty CP thủy điện Thác Bà với giá trị hợp đồng 157 tỷ đồng trong việc sửa chữa và đại tu, nâng cấp phục hồi nhà máy thủy điện. Đây là hợp đồng tuy giá trị không lớn song lại phức tạp trong quá trình lựa chọn, tổ hợp thiết bị để có sự đồng bộ, tương thích giữa thiết bị mới và thiết bị cũ. Lilama 10 đã làm

việc với các nhà thầu nước ngoài bao gồm LB Nga, Ucraina, Thụy Sĩ, Áo nhằm lựa chọn những thiết bị tốt nhất cho nhà máy để hoàn thành dự án đúng như cam kết thì nay là 20 tháng.

- Công ty CP Lilama 10 chuyển nhượng phần vốn góp vào Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na - chuyển nhượng 900.000 cổ phần phổ thông ( tương đương chín tỷ đồng) cho Tổng Công ty điện lực dầu khí Việt Nam với giá bằng mệnh giá 10.000 đồng/CP) để tập trung cho các dự án của Công ty đầu tư là Toà nhà Lilama 10 và Thủy điện Nậm Công 3. Công ty tập trung đầu tư theo chiều sâu vào 02 dự án trên đang trong giai đoạn sắp hoàn thành và vào khai thác, sản xuất.

-Mở rộng thị trường xây lắp ra thế giới là lĩnh vực được Công ty đã và đang triển khai trong năm với kết quả khả quan: Ký hợp đồng đưa công nhân làm việc tại các nhà máy nhiệt điện tại Trung Đông – Công trình nhiệt điện LISCO ( Lybia) được Công ty ký kết với Công ty TNHH Năng lượng DOOSAN BABCOCK – Vương Quốc Anh với trị giá hợp đồng:1.523.275 USD; với Công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật WEIR 1.362.185 USD. Đây là sản phẩm của dịch vụ cung cấp nhân công có chất lượng tay nghề cao đi làm việc tại các nước, đã và đang được đối tác tin cậy cao. Đem lại khoản lợi nhuận không nhỏ cho Công ty, ngoài ra người lao động có tay nghề của Lilama 10 có nguồn thu nhập cao hơn hẳn so với mức lương làm việc trong nước.

- Trong đầu tư mua sắm thiết bị thi công nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, Công ty CP Lilama 10 đã đầu tư các thiết bị thi công đáp ứng cho sản xuất với tổng giá trị tài sản :

28.449.077.583 đồng , trong đó đầu tư mua sắm cầu trục bánh xích KOBELCO 250 tấn trị giá 20.612.687.667 đồng. Ngoài ra cải tạo và nâng cấp một số phương tiện, thiết bị thi công hiện có để phục vụ cho việc thi công lắp đặt.

#### **4. Những thành tựu năm 2010**

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát việc điều hành của Tổng Giám đốc trong hoạt động SXKD, thực hiện các chế độ chính sách của Nhà Nước cũng như các Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Thực hiện tốt công tác quản lý các mặt hoạt động của công ty để trên cơ sở đó điều hành các mặt SXKD sát với tình hình thực tế và đạt hiệu quả cao nhất.

- Tiếp tục kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy chế đã ban hành, chỉ đạo soạn thảo để ban hành quy chế quản lý cần thiết. Xem xét các kiến nghị của Tổng Giám đốc để có sự điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của các quy chế đã ban hành cho phù hợp với yêu cầu của SXKD.

- Chỉ đạo bộ máy quản lý và điều hành của công ty nhằm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch của năm 2010 với giá trị sản lượng: 690 tỷ đồng, Doanh thu : 540 tỷ đồng, Lợi nhuận trước thuế : 30,35 tỷ đồng, Nộp ngân sách: 25,13 tỷ đồng, Tỷ suất lợi nhuận/ vốn : 33,72%, Tỷ suất lợi nhuận/ doanh thu : 5,62 %; Thu nhập bình quân: 3,9 triệu đồng/ người/tháng; Cổ tức : 15%.

- Xây dựng đội ngũ CBCNV có chất lượng cao đảm bảo đủ năng lực để thực hiện tốt các dự án và không ngừng nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp trong giai đoạn tới. Sử dụng nguồn tài chính hợp lý và hiệu quả, sử dụng linh hoạt công cụ nợ trong cân đối để giảm chi phí sử dụng vốn cũng như tăng hiệu quả đầu tư.

- Tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện cơ chế phân phối tiền lương theo hướng gắn thu nhập với hiệu quả và khối lượng công việc thực hiện, dùng tiền lương là công cụ đòn bẩy trong việc thúc đẩy tăng năng suất và chất lượng công việc.

- Chỉ đạo tăng cường công tác quảng bá để hình ảnh, thương hiệu của Công ty Cổ phần Lilama10 được nhận diện trên diện rộng nhằm tiếp thị, tìm kiếm việc làm, đặc biệt chú trọng thị trường ở nước ngoài như LIBI, Quarta.....

- Đầu tư chiều sâu tăng cường năng lực, phương tiện thiết bị phục vụ thi công với giá trị 35,53 tỷ đồng trong đó sẽ mua sắm thêm 01 cầu trục bánh xích 150T.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng công trình thủy điện Nậm Công 3 sẽ đưa vào khai thác sử dụng trong quý IV/2010.

- Đẩy nhanh tiến độ dự án xây dựng Tòa nhà Lilama10 (giai đoạn I) kế hoạch ngày 10/10/2010 đưa vào khai thác sử dụng làm văn phòng và cho thuê.

- Tiếp tục đầu tư Tòa nhà Lilama10 (giai đoạn II) Qui mô và diện tích xây dựng tầng dự kiến khoảng: 1.430 m<sup>2</sup>, gồm 02 khối, chiều cao từ 25 đến 27 tầng tại xã Trung Văn – Huyện Từ Liêm – TP. Hà Nội. Dự kiến khởi công vào quý III/2010.

- Rút vốn tại Công ty cổ phần Đầu tư & phát triển Đô thị Lilama để tập trung nguồn vốn cho dự án đầu tư của Công ty: Công ty Cổ phần LILAMA10 hiện là cổ đông đang nắm giữ 2.250.000 cổ phần (14,06% vốn điều lệ ) tương đương với số tiền 26.280.793.625 đồng ( Bằng chữ: Hai sáu tỷ, hai trăm tám mươi triệu, bảy trăm chín ba nghìn, sáu trăm hai lăm đồng ) tại Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị LILAMA.

Hiện nay, Công ty cổ phần LILAMA10 đang tập trung mọi nguồn lực để thực hiện 02 dự án đầu tư: Nhà máy thủy điện Nậm Công 3 với tổng mức đầu tư 227 tỷ đồng, tòa nhà LILAMA10 xã Trung Văn – Huyện Từ Liêm – TP. Hà Nội tổng mức đầu tư 198 tỷ đồng.

### III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính :

- Kh n ng sinh l i = Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu (23.975.794.802 / 124.956.051.878 đ) = 19,18 %

- Kh n ng thanh toán nhanh: 0.54 lần

- Giá tr s sách t i th i i m 31/12 c a n m báo cáo :

+ L i nhu n sau thu cho n m tài chính k t thúc ngày 31/12/2009 : 23.975.794.802

+ L i nhu n sau thu chưa phân phối n m tài chính k t thúc ngày 31/12/2009 : 18.158.545.964

+ Tỷ suất LNTT/DTT = 5.91 % ; Tỷ suất LNTT/Vốn đầu tư của CSH = 31,56% . Cả hai chỉ tiêu này Công ty chưa đạt được so với kế hoạch. Nguyên nhân: Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế không đạt được so với kế hoạch do giá trị khối lượng thi công thực hiện bởi các thầu phụ tại một số công trình trong năm 2009 chiếm tỷ lệ lớn, nên lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chính của Công ty thấp hơn so với kế hoạch.

- Giá tr s sách t i th i i m 31/12 c a n m báo cáo :

+ L i nhu n sau thu cho n m tài chính k t thúc ngày 31/12/2009 là: 23.975.794.802

- Nh ng thay i v v n c ông/v n góp: Không có

- T ng s c phi u theo t ng lo i: T ng s 9.000.000 c phi u ph thông.

- T ng s trái phi u ang l u hành theo t ng lo i (trái phi u có th chuy n i, trái phi u không th chuy n i...): Không có

- S l ng c phi u ang l u hành theo t ng lo i : 9.000.000 c phi u ph thông.

- S l ng c phi u đ tr , c phi u qu theo t ng lo i : 100.000 CP

- C t c/l i nhu n chia cho các thành viên góp v n dự kiến: 15% / n m ( 1.500 / 1c ph n)

#### 2. Báo cáo k t qu ho t ng s n xu t kinh doanh:



Phân tích tình quan và hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế:

- Giá trị sản xuất kinh doanh : 600/550,2 triệu đồng tăng 109,1 % kế hoạch,
- Tổng doanh thu : 480,8/450,2 triệu đồng tăng 106,8 % kế hoạch.
- Tổng lợi nhuận trước thuế : 28,4/28,5 triệu đồng tăng 99,6 % kế hoạch
- Sản phẩm ngân sách : 32.491/14.863 triệu đồng tăng 218,6 % kế hoạch
- Tỷ suất lợi nhuận ST/ vốn L : 26.65 %/27.22% giảm 2.1 % so với kế hoạch
- Thu nhập bình quân /ng viên/ tháng : 3,8 triệu đồng tăng 103,5 % kế hoạch.

Nguyên nhân khiến chỉ tiêu lợi nhuận đặt ra không hoàn thành kế hoạch như đã được nêu trên : Mặc dù chỉ tiêu doanh thu Công ty vẫn đạt được nhưng phần lớn là doanh thu nhà thầu phụ, trong tổng số doanh thu của công ty doanh thu nhà thầu phụ là 120.949.715.289 đồng chiếm 25,15 % trong tổng doanh thu thuần của Lilama 10. Vì vậy, lợi nhuận thấp hơn so với kế hoạch.

### **3. Những điểm công ty đã thực hiện**

- Những cố gắng và các bước thực hiện, chính sách, quản lý: Sau một năm thực hiện mô hình cải tiến quản lý, Công ty đã thực hiện những điểm nổi bật sau, cụ thể như sau:
  - + Công ty nhận chứng chỉ ISO – từ việc chuyển đổi hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 sang hệ thống chất lượng ISO 9001:2008 được tổ chức LLOY’S – Châu Á Thái Bình Dương cấp chứng nhận.
  - + Làm tốt công tác marketing, duy trì quan hệ với các bên hàng truyền thống, ký kết các hợp đồng kinh tế, công tác thanh quyết toán thu chi nhanh. Trong đó, thu hồi của công trình thủy điện Sơn La, Thủy điện Sêsan 4 và một số thủy điện khác như : Thủy điện Cửa Đạt, Thác Bà đã đem lại nguồn thu lớn cho doanh nghiệp.
  - + Đào tạo nâng cao cán bộ kỹ thuật, nhân sự, nâng cao sáng tạo trong thi công, quản lý sản xuất kinh doanh tốt. Phát huy quy mô của các đơn vị và cán bộ công nhân viên. Trong năm qua Công ty có thay đổi cơ cấu các phòng ban phù hợp hơn cho việc tổ chức sản xuất kinh doanh; Cụ thể: Thành lập phòng Dự án và Đối ngoại trên cơ sở nâng cấp Ban chuẩn bị dự án nước ngoài.; đổi tên phòng Đầu tư - Dự án thành phòng Đầu tư. Bổ nhiệm thêm 02 phó giám đốc phục vụ cho các hoạt động kinh doanh của đơn vị.

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Ghi chú
1	Vốn đầu tư	90 tỷ đồng	
2	Giá trị sản xuất	690 tỷ đồng	
3	Doanh thu thuần	540 tỷ đồng	
4	Lợi nhuận trước thuế	30.35 tỷ đồng	
5	Lợi nhuận sau thuế	25.13 tỷ đồng	
6	Tỷ suất LN/DTT	5.62 %	
7	Tỷ suất LN/VCSH	33.72 %	
8	Tỷ lệ tích lũy	15 %	

Trong bối cảnh chung của nền kinh tế vừa thoát khỏi khủng hoảng, tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn: Tình hình lạm phát ảnh hưởng không nhỏ đến doanh nghiệp kinh doanh khiến cho chi phí đầu vào của các đơn vị trong đó có các đơn vị xây lắp như Lilama 10 bị gia tăng, đó là: chi phí đi vay. Với cơ chế xoá bỏ lãi suất trần của dòng vốn vay trung và dài hạn trong giai đoạn đầu tư hiện nay của hai dự án với tổng mức đầu tư hơn 400 tỷ đồng của Lilama 10 là một vấn đề rất khó khăn mà doanh nghiệp phải cố gắng nỗ lực hết mình. Việc thắt chặt tín dụng của các ngân hàng cũng ảnh hưởng đến nhu cầu vốn vay của đơn vị cho việc giải ngân phục vụ sản xuất. Mặc dù kế hoạch tài chính năm báo doanh thu, lợi nhuận tăng so với năm 2009 đã thực hiện tuy nhiên trong năm 2010, khi nền kinh tế vẫn chưa hồi phục không tránh khỏi khó khăn, chi phí đầu vào của doanh nghiệp trong đó có chi phí nhân công sẽ tăng do điều chỉnh đơn giá tiền lương của Nhà nước khiến doanh nghiệp phải tăng chi phí đầu vào của năm 2010 do tính so với năm 2009 sẽ cao hơn do đó kế hoạch Tỷ suất LN/DTT là 5.62 %

- Trong năm 2011 đến năm 2013, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ tăng sản lượng và doanh thu tăng từ 10% - 15% so với năm trước.

- Đầu tư chiều sâu tăng cường năng lực, phương tiện thiết bị phục vụ thi công với giá trị 35,53 tỷ đồng

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng công trình thủy điện Nậm Công 3 sẽ đưa vào khai thác sử dụng trong quý IV/2010.

- Đẩy nhanh tiến độ dự án xây dựng Tòa nhà Lilama10 (giai đoạn I) kế hoạch ngày 10/10/2010 đưa vào khai thác sử dụng .

- Tiếp tục đầu tư Tòa nhà Lilama10 (giai đoạn II) Qui mô và diện tích xây dựng dự kiến khoảng: 1.430 m<sup>2</sup>, gồm 02 khối, chiều cao từ 25 đến 27 tầng tại xã Trung Văn – Huyện Từ Liêm – TP. Hà Nội. Dự kiến khởi công vào quý III/2010.

- Rút vốn tại Công ty cổ phần Đầu tư & phát triển Đô thị Lilama để tập trung nguồn vốn cho dự án đầu tư của Công ty: Công ty Cổ phần LILAMA10 hiện là cổ đông đang nắm giữ 2.250.000 cổ phần (14,06% vốn điều lệ ) tương đương với số tiền 26.280.793.625 đồng ( Bằng chữ: Hai sáu tỷ, hai trăm tám mươi triệu, bảy trăm chín ba nghìn, sáu trăm hai lăm đồng ) tại Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị LILAMA.

#### IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán.

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Thời gian 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
<b>A. TÀI SẢN NGUYÊN</b>	<b>100</b>		<b>334,359,995,544</b>	<b>267,857,352,421</b>
<b>I. Tiền và các khoản thanh toán</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>72,566,921,683</b>	<b>8,621,485,974</b>
1. Tiền	111		22.375.255.016	8,621,485,974
2. Các khoản thanh toán	112		50,191,666,667	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>86,061,765,397</b>	<b>67,356,081,784</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		48,336,681,272	48,591,088,798
2. Trả trước cho người bán	132		38,200,395,348	20,202,881,366
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	<b>V.02</b>	801,110,777	537,058,720
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(1,276,422,000)	(1,974,947,100)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>162,338,596,403</b>	<b>188,306,654,737</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>V.03</b>	162,338,596,403	188,306,654,737
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13,392,712,061</b>	<b>3,573,129,926</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		631,133,101	654,786,408
2. Thu giữ tài sản chờ xử lý	152		5,262,823,418	982,279,595

3. Thu và các khoản khác phí thu Nhà n c	154	<b>V.04</b>	-	36,390,988
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		7,498,755,542	1,899,672,935
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>154,655,959,649</b>	<b>87,560,190,549</b>
<b>I. Các khoản phí thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phí thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh của các n v tr c thu c	212			
3. Phí thu n i b dài hạn	213			
4. Phí thu dài hạn khác	218			
5. D phòng phí thu dài hạn khó òi (*)	219			
<b>II. Tài sản c nh</b>	<b>220</b>		<b>126,013,914,413</b>	<b>51,215,941,258</b>
1. Tài sản c nh h u hình	221	<b>V.05</b>	36,226,766,018	25,083,160,134
- Nguyên giá	222		125,024,248,174	99,854,473,491
- Giá tr hao mòn l y k (*)	223		(88,797,482,156)	(74,771,313,357)
2. Tài sản c nh thuê tài chính	224	<b>V.06</b>	151,238,695	495,293,431
- Nguyên giá	225		1,032,165,013	1,032,165,013
- Giá tr hao mòn l y k (*)	226		(880,926,318)	(536,871,582)
3. Tài sản c nh vô hình	227	<b>V.07</b>	5,790,942,000	8,470,941,996
- Nguyên giá	228		5,790,942,000	9,140,942,000
- Giá tr hao mòn l y k (*)	229			(670,000,004)
4. Chi phí xây d ng c b n d dang	230	<b>V.08</b>	83,844,967,700	17,166,545,697
<b>III. B t ng s n u t</b>	<b>240</b>			
- Nguyên giá	241			
- Giá tr hao mòn l y k (*)	242			
<b>IV. Các khoản u t tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.09</b>	<b>26,280,793,625</b>	<b>35,280,793,625</b>
1. u t vào công ty con	251			
2. u t vào công ty liên k t, liên doanh	252			
3. u t dài hạn khác	258		26,280,793,625	35,280,793,625
4. D phòng gi m giá ch ng khoán u t dài hạn (*)	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2,361,251,611</b>	<b>1,063,455,666</b>
1. Chi phí tr tr c dài hạn	261	<b>V.10</b>	2,361,251,611	1,063,455,666

2. Tài sản thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>489,015,955,193</b>	<b>355,417,542,970</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>363,282,698,163</b>	<b>240,799,470,512</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>313,786,617,560</b>	<b>226,882,351,299</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	<b>V.11</b>	132,732,774,582	75,910,811,683
2. Phải trả ngắn hạn	312		24,905,213,058	21,268,149,319
3. Nghĩa mua trả tiền trước	313		127,880,414,166	103,091,076,249
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	<b>V.12</b>	4,531,193,438	7,573,495,173
5. Phải trả công nhân viên	315		13,573,287,950	13,469,535,996
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả lãi	317		-	-
8. Phải trả theo kế hoạch tính HXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	<b>V.13</b>	10,163,734,366	5,569,282,879
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>49,496,080,603</b>	<b>13,917,119,213</b>
1. Phải trả dài hạn ngắn hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn lãi	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	<b>V.14</b>	48,694,696,840	13,130,064,088
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trách nhiệm tài vụ làm	336		801,383,763	787,055,125
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>125,733,257,030</b>	<b>114,618,072,458</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>124,956,051,878</b>	<b>113,993,201,853</b>
1. Vốn thực thu	411		90,000,000,000	90,000,000,000
- Ngân sách	411A			
- Bổ sung	411B		90,000,000,000	90,000,000,000
2. Thặng dư tích lũy	412		5,000,000,000	5,000,000,000
3. Vốn khác cách thu	413			

4. Chi u ngân qu	414		(2,023,313,414)	(2,023,313,414)
5. Chênh l ch ánh giá l i tài s n	415			
6. Chênh l ch t giá h i oái	416		1,556,026	-
7. Qu ư t phát tri n	417		13,036,477,304	4,162,017,701
8. Qu d phòng tài chính	418		782,785,998	312,639,049
9. Qu khác thu c v n ch s h u	419			-
10. L i nhu n ch a phân ph i	420		18,158,545,964	16,541,858,517
11. Ngu n v n ư t xây d ng c b n	421			
<b>II. Ngu n kinh phí và các qu khác</b>	<b>430</b>		<b>777,205,152</b>	<b>624,870,605</b>
1. Qu khen th ng, phúc l i	431		777,205,152	624,870,605
2. Ngu n kinh phí	432			
3. Ngu n kinh phí ã hình thành TSC	433			
<b>T NG C NG NGU N V N</b>	<b>440</b>		<b>489,015,955,193</b>	<b>355,417,542,970</b>

**CH TIÊU NGOÀI B NG CÂN IK TOÁN**

**T i ngày 31 tháng 12 n m 2009**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã s</b>	<b>Thuy t minh</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
1. Tài s n thuê ngoài				
2. V t t , hàng hóa nh n gi h , nh n gia công				
3. Hàng hóa nh n bán h , nh n ký g i				
4. N khó òi ã x lý				
5. Ngo i t các lo i (USD)			327,170.11	9,398.89
6. D toán chi ho t ng				

**BÁO CÁO**  
**K T QU HO T NG KINH DOANH**  
**N m 2009**

CH TIÊU	Mã s	Thuy t minh	N m nay	N m tr c
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung c p d ch v</b>	<b>00</b>	<b>VI. 16</b>	<b>480,847,190,202</b>	<b>327,838,971,032</b>
<b>2. Các kho n gi m tr</b>	02		-	-
- Chi t kh u bán hàng	02a			-
- Gi m giá hàng bán	02b		-	-
- Hàng bán b tr l i	02c		-	-
- Thu tiêu th c bi t, thu xu t nh p kh u và thu GTGT theo ph ng pháp tr c ti p ph i n p	02d		-	-
<b>3. Doanh thu thu n bán hàng và cung c p d ch v</b>	<b>10</b>	<b>VI. 17</b>	<b>480,847,190,202</b>	<b>327,838,971,032</b>
<b>4. Giá v n hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>VI. 18</b>	<b>430,177,937,739</b>	<b>284,032,874,022</b>
<b>5. L i nhu n g p v bán hàng và cung c p d ch v</b>	<b>20</b>		<b>50,669,252,463</b>	<b>43,806,097,010</b>
<b>6. Doanh thu ho t ng tài chính</b>	21	<b>VI. 19</b>	<b>3,654,204,244</b>	<b>1,243,867,143</b>
<b>7. Chi phí tài chính</b>	22	<b>VI. 20</b>	<b>8,731,358,792</b>	<b>7,760,413,603</b>
- Trong ó: Chi phí lãi vay	23		8,567,937,656	7,760,413,603
<b>8. Chi phí bán hàng</b>	24			
<b>9. Chi phí qu n lý doanh nghi p</b>	<b>25</b>		<b>20,095,006,658</b>	<b>15,925,732,851</b>
<b>10. L i nhu n thu n t ho t ng kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>25,497,091,257</b>	<b>21,363,817,699</b>
<b>11. Thu nh p khác</b>	31	<b>VI. 21</b>	<b>2,919,337,971</b>	<b>826,843,593</b>
<b>12. Chi phí khác</b>	32			<b>11,041,434</b>
<b>13. L i nhu n khác</b>	<b>40</b>		<b>2,919,337,971</b>	<b>815,802,159</b>
<b>14. T ng l i nhu n k toán tr c thu</b>	<b>50</b>		<b>28,416,429,228</b>	<b>22,179,619,858</b>
<b>15. Chi phí thu TNDN hi n hành</b>	<b>51</b>	<b>VI. 22</b>	<b>4,440,634,426</b>	-
<b>16. Chi phí thu TNDN hoãn l i</b>	<b>52</b>		-	-
<b>17. L i nhu n sau thu TNDN</b>	<b>60</b>		<b>23,975,794,802</b>	<b>22,179,619,858</b>
<b>18. Lãi c b n trên c phi u</b>	<b>70</b>		<b>2,694</b>	<b>2,492</b>



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2009

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	544,858,226,159	327,269,204,318
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(354,208,833,364)	(238,269,760,858)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(122,193,068,231)	(79,876,824,784)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(7,895,427,656)	(5,151,403,027)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	0	0
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	4,892,869,777	4,750,695,006
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	7	(4,005,111,421)	(29,677,258,282)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX-KD</b>	<b>20</b>	<b>61,448,655,264</b>	<b>(20,955,347,627)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(94,236,405,551)	(18,765,180,674)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	2,919,129,382	495,750,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	(47,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	47,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	(18,850,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	9,000,000,000	100,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3,654,204,244	1,243,867,143
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(78,663,071,925)</b>	<b>(35,775,563,531)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại c/phiếu đã p/hành	32	0	(2,023,313,414)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	352,662,913,177	175,330,205,572
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(260,002,481,462)	(121,475,303,826)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(273,836,064)	(408,558,602)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11,335,296,800)	(11,402,378,200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>81,051,298,851</b>	<b>40,020,651,530</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>63,836,882,190</b>	<b>(16,710,259,628)</b>
<b>Tiền tồn đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>8,621,485,974</b>	<b>25,429,655,178</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	108,553,519	(97,909,576)
<b>Tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>72,566,921,683</b>	<b>8,621,485,974</b>

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

## 1. CẤU HỒ TÀI NGUYÊN DOANH NGHIỆP

### 1.1 Hình thức huy vốn

Công ty Cổ phần Lilama 10 là Công ty cổ phần chuyên nghiệp Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1672/QĐ – BXD ngày 11 tháng 12 năm 2006 của Bộ Xây dựng. Vốn đầu tư của Công ty là 90.000.000.000 VND (Chín mươi tỷ đồng)

Cấu trúc vốn đầu tư của Công ty

	Vốn góp	Tỷ lệ
Vốn Nhà nước	45.900.000	51 %
Vốn công ngoài	44.100.000	49 %

### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh

Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103015215 ngày 29 tháng 12 năm 2006 và Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi số 1 ngày 20 tháng 06 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Xây dựng công trình công nghiệp, lắp đặt dây chuyền, lắp ráp máy móc thiết bị cho các công trình xây dựng; Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, que hàn, ô xy; Phôi thép, cuộn kim loại cho xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng; Gia công chế tạo, lắp đặt, sửa chữa thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực (bình, bể, bồn, bồn chứa áp lực), thiết bị cơ khí, thiết bị điện, kết cấu thép phi tiêu chuẩn, cung cấp, lắp đặt và bảo trì thang máy; Làm sạch và sơn phủ bề mặt kim loại; Kinh doanh xuất, nhập khẩu vật tư thiết bị, các dây chuyền công nghệ, vật liệu xây dựng; Thí nghiệm hiệu chỉnh hệ thống điện, điện khí, điện nước, kiểm tra mặt hàn kim loại; Đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản, nhà ở, trang trí nội thất (không bao gồm hoạt động tư vấn và giá trị); Thiết kế kết cấu: thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp phần cơ khí ngành lắp máy; Thiết kế hệ thống dây chuyền công nghệ chế tạo máy và lắp máy phần cơ khí ngành lắp máy; Thiết kế hệ thống dây chuyền công nghệ chế tạo máy và lắp máy phần cơ khí ngành lắp máy; Thiết kế hệ thống điện khí, điện nước, điện nước thiết kế công trình công nghiệp.

### **1.3 c i m ho t ng c a doanh nghi p trong k k toán có nh h ng n Báo cáo tài chính**

Trong n m 2009, không có ho t ng nào có nh h ng áng k n các ch tiêu trên Báo cáo tài chính c a Công ty C ph n Lilama 10.

## **2.2 NIÊN K TOÁN, NV TI NT S D NG TRONG K TOÁN**

- K k toán n m c a Công ty b t u t ngày 01/01 và k t thúc vào ngày 31/12 hàng n m.

- n v ti nt s d ng trong ghi chép k toán là ng Vi t Nam (VND)

## **II. CHU N M C VÀ CHÊ K TOÁN ÁP D NG**

### **Ch k toán áp d ng:**

Công ty áp d ng Ch K toán doanh nghi p ban hành theo Quy t nh s 15/2006/Q -BTC ngày 20/3/2006 c a B tr ng B Tài chính.

### **1. Tuyên b v vi c tuân th Chu n m c k toán và Ch k toán**

Công ty ã áp d ng các Chu n m c k toán Vi t Nam và các v n b n h ng d n Chu n m c do Nhà n c ã ban hành phù h p v i ho t ng c a Doanh nghi p. Các báo cáo tài chính c l p và trình bày theo úng m i quy nh c a t ng chu n m c, thông t h ng d n th c hi n chu n m c và Ch k toán hi n hành ang áp d ng.

2. **Hình th c k toán áp d ng:** Công ty áp d ng hình th c s k toán Nh t ký chung trên máy tính

## **III. CÁC CHÍNH SÁCH K TOÁN ÁP D NG**

### **1. Nguyên t c ghi nh n các kho n ti n và các kho n t ng ng ti n**

#### **1.1. Nguyên t c, ph ng pháp chuy n i các ng ti n khác**

Các nghi p v kinh t phát sinh b ng ngo i t c quy i ra ng Vi t Nam theo t giá giao d ch th c t t i th i i m phát sinh nghi p v . T i th i i m cu i n m các kho n m c ti n t có g c ngo i t c quy i theo t giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà n c Vi t Nam công b vào ngày k t thúc niên k toán.

Chênh l ch t giá th c t phát sinh trong k c k t chuy n vào doanh thu ho c chi phí tài chính trong n m tài chính. Chênh l ch t giá do ánh giá l i s d các kho n m c ti n t t i th i i m cu i n m c theo dõi trên kho n m c chênh l ch t giá và c ghi bút toán ng c l i xóa s d t i th i i m u n m tài chính t p theo.

## **1.2. Nguyên tắc xác định các khoản nợ ngắn hạn**

Các khoản nợ ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành tiền và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản nợ đó thì ghi nhận báo cáo.

## **2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trong hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thì phần giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh có liên quan hàng tồn kho đã mua và trong thời kỳ hiện tại.

2.2 *Phương pháp xác định hàng tồn kho cụ thể*: Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

2.3 *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho*: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên hạch toán hàng tồn kho.

Trong năm tài chính 2009, Công ty không có khoản nợ tồn kho nào phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

## **3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Công ty đã thực hiện ký khấu hao nhanh với các quan quản lý thuế. Theo đó, thời gian khấu hao được tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06-25 năm
- Máy móc, thiết bị	03-10 năm
- Phương tiện vận tải	06-12 năm
- Thiết bị văn phòng	03-08 năm
- Các tài sản khác	03-06 năm
- TSCD vô hình	10 năm

#### **4. Nguyên tắc ghi nhận và v n hoá các khoản chi phí i vay**

Chi phí i vay c ghi nhận vào chi phí s n xu t, kinh doanh trong k khi phát sinh, trừ chi phí i vay liên quan trực tiếp n vì c u t xây dựng ho c s n xu t tài s n d dang c tính vào giá tr c a tài s n ó ( c v n hoá) khi có các i u ki n quy nh trong Chuẩn m c K toán Việt Nam s 16 “Chi phí i vay”.

Chi phí i vay liên quan trực tiếp n vì c u t xây dựng ho c s n xu t tài s n d dang c tính vào giá tr c a tài s n ó ( c v n hoá), bao g m các khoản lãi t n vay, phân b các khoản chi t kh u ho c ph tr i khi phát hành trái phi u, các khoản chi phí ph phát sinh liên quan t i quá trình làm th t c vay.

T l lãi vay c v n hóa trong k là 17,29%

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận và v n hóa các khoản chi phí khác**

**Các chi phí tr tr c ch liên quan n chi phí s n xu t kinh doanh n m tài chính hi n t i c ghi nhận là chi phí tr tr c ng n h n và u c tính vào chi phí s n xu t kinh doanh trong n m tài chính**

Các chi phí sau ây ã phát sinh trong n m tài chính nh ng c h ch toán vào chi phí tr tr c dài h n phân b d n vào k t qu ho t ng kinh doanh trong nhi u n m:

- Công c d ng c xu t dùng có giá tr l n;
- Chi phí s a ch a l n tài s n c nh phát sinh m t l n quá l n.

**Vi c tính và phân b chi phí tr tr c dài h n vào chi phí s n xu t kinh doanh t ng k h ch toán c c n c vào tính ch t, m c t ng lo i chi phí ch n ph ng pháp và tiêu th c phân b h p lý. Chi phí tr tr c c phân b d n vào chi phí s n xu t kinh doanh theo ph ng pháp ng th ng.**

Chi phí th ng hi u Lilama c phân b trong 10 n m. Các chi phí khác c phân b trong 2 n m.

#### **6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí ph i tr**

Các khoản chi phí thực tế phát sinh nhưng trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ mà khi chi phí phát sinh thực tế không gây thiệt hại cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở mà nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## **7. Nguyên tắc ghi nhận và hạch toán**

Vấn đề cách hạch toán ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ.

Thăng đ. vốn phần ghi nhận theo số chênh lệch l/n/h/n/ hoặc nh. h/n/gi. giá thực tế phát hành và mức giá cấp khi phát hành chứng khoán, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành chứng khoán.

Các phần cho các công ghi nhận là khoản phần trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lưu ý sau thu nhập doanh nghiệp sau khi Hội đồng Quản trị phê duyệt trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, số chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp.

Thời điểm 31/12/2009, lưu ý sau thu của Công ty chia cổ phân phối. Lưu ý sau thu cổ phân phối không bao gồm phần thu nhập doanh nghiệp trong năm 2009 để ghi sổ bổ sung quỹ phát triển.

## **8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lợi nhuận và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu xác định một cách chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp vì cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công vì sẽ hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định bằng lịch kế toán;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công vì sẽ hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phân công vì sẽ hoàn thành được xác định theo phương pháp ánh giá công vì hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tín lãi, tín bản quy định, cút c, lợi nhuận chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định bằng lịch kế toán.

### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Doanh thu hợp đồng xây dựng được xác định theo giá trị khối lượng XDCB hoàn thành sẽ thực hiện thu.

## **9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoc các khoản liên quan đến các hoạt động tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo từng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thu thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thu thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thu thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Trong năm 2009, Công ty Cổ phần Lilama 10 được giảm 50% thuế TNDN theo chủ trương cải thiện môi trường Doanh nghiệp Nhà nước được quy định tại Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ chuyển Công ty Nhà nước thành Công ty Cổ phần và Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 về Quy định chi tiết thi hành Luật Thuế TNDN.



**V. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

1. TIỀN	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt và quỹ	257.415.005	105.429.030
Tiền gửi ngân hàng	22.117.840.011	8.516.056.944
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản nợ ngân hàng (*)	50.191.666.667	-
<b>Cộng</b>	<b>72.566.921.683</b>	<b>8.621.485.974</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi đáo hạn 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại

2. CÁC KHOẢN PHÍ THU NG NHẬN KHÁC	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Phí thu vận chuyển và lệ phí nhập khẩu	-	-
Phí thu lao động	-	-
Phí thu khác	801.110.777	537.058.720
<b>Cộng</b>	<b>801.110.777</b>	<b>537.058.720</b>

3. HÀNG TÀN KHO	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	3.163.088.909	2.138.853.239
Công cụ, dụng cụ	1.062.133.344	302.969.534
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	158.113.374.150	185.864.831.964
Thành phẩm	-	-
Hàng hóa	-	-
<b>Cộng</b>	<b>162.338.596.403</b>	<b>188.306.654.737</b>

4. THU VÀ CÁC KHOẢN PHÍ THU NHÀ NƯỚC	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
- Thuế GTGT hàng bán nhập khẩu	-	-
- Thuế TT-B nhập khẩu	-	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nhập khẩu	-	36.390.988
- Thuế thu nhập cá nhân nhập khẩu	-	-
- Thuế tài nguyên nhập khẩu	-	-
- Tiền thuê đất, thuế đất	-	-
- Thuế khác	-	-
- Các khoản khác phí thu Nhà nước	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>36.390.988</b>

5. TANG, GIẢM TÀI SẢN CÔNG NHẬN HỮU HÌNH (Xem phần I c s 01)

6. TANG GIẢM TÀI SẢN CÔNG NHẬN THUẾ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Kho nội dung	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phong tiển vật tư	TSC khác	Cộng
<b>Nguyên giá TSC</b>					
Sở hữu			1.032.165.013		1.032.165.013
Số nợ trong kỳ			-		-
- Thuế tài chính trong năm					-
Số giảm trong kỳ			-		-
- Thanh lý, nhượng bán					-
Sở hữu cuối kỳ			1.032.165.013		1.032.165.013
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Sở hữu			536.871.582		536.871.582
Số nợ trong kỳ			344.054.736		344.054.736
- Khu hao trong kỳ			344.054.736		344.054.736
Số giảm trong kỳ					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
Sở hữu cuối kỳ			880.926.318		880.926.318
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tính ngày đầu kỳ			495.293.431		495.293.431
Tính ngày cuối kỳ			151.238.695		151.238.695

**7. TÀI NGUYÊN, GIẢM TÀI SẢN VÀ NHỮNG VẬT HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Kho nội dung	Quy định đăng ký	Quy định phát hành	Bản quyền, bản sáng chế	Thặng dư Lilama	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Sở hữu	<b>5.790.942.000</b>			<b>3.350.000.000</b>	<b>9.140.942.000</b>
Số nợ trong kỳ	-	-		-	-
- Mua trong năm					-
Số giảm trong kỳ				3.350.000.000	3.350.000.000
- Phân loại lại				3.350.000.000	
Sở hữu cuối kỳ	<b>5.790.942.000</b>	-		-	<b>5.790.942.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Sở hữu				<b>670.000.004</b>	<b>670.000.004</b>
Số nợ trong kỳ	-	-		335.000.004	335.000.004
- Khu hao trong kỳ				335.000.004	335.000.004
Số giảm trong kỳ				1.005.000.008	
- Phân loại lại				1.005.000.008	
Sở hữu cuối kỳ	-	-		-	-
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tính ngày đầu kỳ	5.790.942.000			2.679.999.996	8.470.941.996
Tính ngày cuối kỳ	5.790.942.000			-	5.790.942.000

**8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DANG**

31/12/2009

01/01/2009

	VND	VND
Xây dựng cơ bản đang		
Mua sắm Tài sản cố định		
- chi phí xây dựng Tài sản cố định	83.844.967.700	17.166.545.697
Trong đó, chi phí công trình lớn:		
+ Công trình Cầu KC50 - 42 Hoà Bình	1.734.384.961	1.723.413.836
+ Công trình Cầu KC50 - 42 - Sơn La	260.799.568	
+ Công trình Thu hồi vốn Nhà máy Công 3	47.576.308.849	14.910.492.256
+ Nhà Văn phòng Thanh Xuân	34.273.474.322	532.639.605
<b>Cộng</b>	<b>83.844.967.700</b>	<b>17.166.545.697</b>

**9 . CÁC KHOẢN UT TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
- chi phí vào công ty con		
- chi phí vào công ty liên kết, liên doanh		
- chi phí dài hạn khác	26.280.793.625	35.280.793.625
Trong đó:		
+ Góp vốn cổ phần vào Công ty Cổ phần Thu hồi vốn Hà Nội (*)		9.000.000.000
+ Góp vốn cổ phần vào Công ty TNHH và PT Đô thị Lilama	26.280.793.625	26.280.793.625
D phòng ghi m giá trị khoản chi phí dài hạn		
<b>Cộng</b>	<b>26.280.793.625</b>	<b>35.280.793.625</b>

(\*) Ngày 19/03/2009, Công ty Cổ phần Lilama 10 đã có công văn số 279/Lilama10/TC-KT vì các xin rút vốn góp tại Công ty Cổ phần Thu hồi vốn Hà Nội. Ngày 13/7/2009, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ 900.000 cổ phần trị giá 9.000.000.000 đồng vốn góp

**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSC		
Chi phí thế chấp Lilama (*)	2.344.999.992	
Chi phí bảo hiểm		
Công cụ dụng cụ phân bổ	16.251.619	1.063.455.666
<b>Cộng</b>	<b>2.361.251.611</b>	<b>1.063.455.666</b>

(\*) Chi phí thế chấp Lilama còn lại được phân bổ tiếp trong 07 năm (đã phân bổ 3 năm)

**11 . VAY VÀ NỢ NHẬN**

	31/12/2009	01/01/2009
--	------------	------------

	VND	VND
Vay ngắn hạn	129.099.020.550	75.642.610.308
Nợ dài hạn ngắn hạn	3.633.754.032	268.201.375
- Vay dài hạn ngắn hạn	3.496.836.000	
- Nợ thuê tài chính ngắn hạn	136.918.032	268.201.375
<b>Cộng</b>	<b>132.732.774.582</b>	<b>75.910.811.683</b>

**12 . THU VÀ CÁC KHOẢN PHÍ IN P NHÀ N C**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thu giá trị gia tăng	-	7.463.940.725
Thu thuế nhập doanh nghiệp	4.404.243.438	-
Thu thuế nhập cá nhân	121.950.000	109.554.448
Tiền thuê đất, thuê nhà	-	-
Các loại thuế khác	5.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phí nhập khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.531.193.438</b>	<b>7.573.495.173</b>

Quy tắc toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của các quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể khác nhau giữa các địa phương, số thuế thực tế trình bày trên Báo cáo tài chính có thể khác.

**13 . CÁC KHOẢN PHÍ TRẢ, PHÍ IN P NG NH N KHÁC**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	2.935.289.439	2.327.342.630
Bảo hiểm y tế	906.178.622	651.261.597
Bảo hiểm xã hội	248.431.998	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Doanh thu chưa thực hiện	-	-
Các khoản phí trả, phí nhập khác	6.073.834.307	2.590.678.652
+ Phí trích nộp	495.726.000	261.022.800
+ Phí trả khác	5.578.108.307	2.329.655.852
<b>Cộng</b>	<b>10.163.734.366</b>	<b>5.569.282.879</b>

Trong năm 2009, Công ty CP Lilama 10 đã trích nộp bảo hiểm thất nghiệp theo hướng dẫn của các quan Bảo hiểm xã hội. Theo đó, Bảo hiểm thất nghiệp trích 1% quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội vào chi phí và thu của công ty là 1%. Bảo hiểm thất nghiệp

**14 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND

<b>Vay dài hạn</b>	<b>48.694.696.840</b>	<b>12.987.511.367</b>
Vay ngân hàng	48.694.696.840	12.987.511.367
Vay khác		
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>142.552.721</b>
Thuê tài chính	-	142.552.721
<b>Cộng</b>	<b>48.694.696.840</b>	<b>13.130.064.088</b>

Số hiệu	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Số dư gốc tính đến ngày 31/12/2009	Phương thức vay
01/2009/147292/H T.H	Ngân hàng T&PT Việt Nam - CN Nam Hà Nội	Theo thông báo cáo Ngân hàng	24 tháng	16.314.653.247	Mô hình tài sản cá nhân sau thuế
2007/LILAMA/H TD.DH	Ngân hàng NT và PTNT - CN Láng H	Theo thông báo cáo Ngân hàng	144 tháng	26.228.491.841	Mô hình tài sản cá nhân sau thuế
01/TH/2009/HDTD -LM10	Ngân hàng công thương chi nhánh Hoàn Kiếm (*)	Theo thông báo cáo Ngân hàng	36 tháng	9.616.299.000	Mô hình tài sản cá nhân sau thuế
	Ngân hàng T & PT - CN Hà Nam (**)			32.088.752	
<b>Tổng cộng</b>				<b>52.191.532.840</b>	

(\*) Nợ dài hạn nhận trong năm 2010 có khoản vay này là 3.496.836.000 đồng.

(\*\*) Khoản vay có Công ty kết thúc khi mua lại Nhà máy chế tạo thiết bị điện tử.

**Các khoản thuê tài chính**

Thời hạn	Năm 2009			Năm 2008		
	Tổng khoản thanh toán	Trị giá lãi thuê	Trên 5 năm	Tổng khoản thanh toán	Trị giá lãi thuê	Trên 5 năm
Tổng cộng	<b>379.689.782</b>	<b>105.853.718</b>	<b>273.836.064</b>	<b>514.551.387</b>	<b>105.992.785</b>	<b>408.558.602</b>

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**15.1. Bảng chi số biến động vốn chủ sở hữu (Xem phụ lục số 02)**

**15.2. Chi số vốn chủ sở hữu**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	45.900.000.000	45.900.000.000
Vốn góp của Công ty khác	44.100.000.000	44.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>90.000.000.000</b>

**15.3. Các giao dịch và phân phối lợi nhuận.**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND

- Vốn ưu đãi xã hội	-	-
+ Vốn góp vốn	90.000.000.000	90.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	90.000.000.000	90.000.000.000
- Các khoản như lãi chia	11.570.000.000	11.640.000.000

**15.4. Chi phí**

	31/12/2009	01/01/2009
Số lượng chi phí ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng chi phí đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
- Chi phí phát hành	9.000.000	9.000.000
- Chi phí ưu đãi	-	-
Số lượng chi phí mua lại	100.000	100.000
- Chi phí phát hành	100.000	100.000
- Chi phí ưu đãi	-	-
Số lượng chi phí ang l u hành	8.900.000	8.900.000
- Chi phí phát hành	8.900.000	8.900.000
- Chi phí ưu đãi	-	-
Mức giá chi phí ang l u hành (ng/CP)	10.000	10.000

**15.5. Lãi chưa phân bổ chi phí**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.975.794.802	22.179.619.858
+ Các khoản ưu đãi thuế khác giảm Lợi nhuận kế toán xác định như sau để phân bổ cho các công ty chi phí phát hành:		
<i>Các khoản ưu đãi thuế</i>		
<i>Các khoản ưu đãi giảm</i>		
+ Lợi nhuận để phân bổ cho công ty chi phí phát hành		
+ Chi phí phát hành ang l u hành bình quân trong kỳ	8.900.000	8.900.000
+ Lãi chưa phân bổ chi phí	2.694	2.492

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh**

**16. TÀI NGUYÊN DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	-	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Doanh thu các hoạt động xây dựng	480.847.190.202	327.838.971.032
<b>Cộng</b>	<b>480.847.190.202</b>	<b>327.838.971.032</b>
<b>17 . DOANH THU THU NHẬP BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa		-
Doanh thu thuần dịch vụ		
Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	480.847.190.202	327.838.971.032
<b>Cộng</b>	<b>480.847.190.202</b>	<b>327.838.971.032</b>
<b>18 . GIÁ TRỊ HÀNG BÁN</b>		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá trị các hàng hóa đã bán		-
Giá trị các dịch vụ đã cung cấp		-
Giá trị các hoạt động xây dựng	430.177.937.739	284.032.874.022
<b>Cộng</b>	<b>430.177.937.739</b>	<b>284.032.874.022</b>
<b>19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.654.204.244	1.243.867.143
Các, lãi như nhận chia		
Lãi chênh lệch giá tài sản		-
Doanh thu hoạt động tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b>3.654.204.244</b>	<b>1.243.867.143</b>
<b>20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.567.937.656	7.760.413.603
Lãi chênh lệch giá tài sản	163.421.136	
Lãi chênh lệch giá các tài sản		
Đ phòng giảm giá các khoản đầu tư		
Chi phí tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b>8.731.358.792</b>	<b>7.760.413.603</b>
<b>21 . THU NHẬP KHÁC</b>		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND

Thu nhập khác từ thanh lý tài sản cố định	2.919.129.382	826.843.593
Thu nhập khác từ thanh lý tài sản cố định	208.589	
<b>Cộng</b>	<b>2.919.337.971</b>	<b>826.843.593</b>

**22. CHI PHÍ THU THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHINANH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thu TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.440.634.426	-
Chi phí thu TNDN của các năm trước và chi phí thu TNDN hiện hành năm nay		
<b>Cộng</b>	<b>4.440.634.426</b>	<b>-</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**-Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
<b>Các khoản phải thu</b>			
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Tổng Công ty	Phải thu tín dụng hoàn thành	15.555.545.473
Công ty Xi măng Thăng Long	Thành viên Tổng Công ty	Phải thu tín dụng hoàn thành	5.198.915.782
Công ty Cổ phần Lilama 45 - 3	Thành viên Tổng Công ty	Tín dụng thi công Srepok 3	15.444.260
Công ty Cổ phần Lilama Ninh Bình	Thành viên Tổng Công ty	Phải thu tín dụng hoàn thành	5.313.714.181
Công ty Cổ phần Lilama 7	Thành viên Tổng Công ty	Doanh thu cho thuê nhà C2 Phong li t	85.865.455
<b>Các khoản phải trả</b>			
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Tổng Công ty	Tín dụng Argon, sản, thuê cửa, vận chuyển cửa, tín dụng thi công	10.079.385.243
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Tổng Công ty	Lãi vay từ Tổng công ty	2.587.081.000
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Tổng Công ty	Cố định cho Tổng công ty	5.967.000.000
Công ty Cổ phần Lilama 69-1	Thành viên Tổng Công ty	Thanh toán tín dụng hoàn thành, bảo hành	7.576.851.663
Công ty Cổ phần Lilama 69-2	Thành viên Tổng Công ty	Thanh toán tín dụng hoàn thành	30.050.942.350
Công ty Cổ phần Lilama 45-3	Thành viên Tổng Công ty	Tín dụng thi công	2.219.091
Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	Thành viên Tổng Công ty	Trợ cấp mua tôn	80.541.201
Công ty Cổ phần Lilama 5	Thành viên Tổng Công ty	Tín dụng hàng, tín dụng thi công	294.374.121



Công ty Cổ phần Lilama 7	Thành viên Tổng Công ty	Thanh toán tài khoản chi ngân hàng hoàn thành	4.907.024.636
Công ty Cổ phần Lilama - Thí nghiệm cũ	Thành viên Tổng Công ty	Thanh toán tài khoản chi ngân hàng hoàn thành	706.594.545

Cho ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chi trả thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Khoản mục	Giá trị khoản phải thu (+) / phải trả (-)
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	1.488.877.114
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Tổng Công ty	Phải thu khác	233.979.900
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Tổng Công ty	Khách hàng nợ trừ	(17.971.239.065)
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Tổng Công ty	Phải trả nợ bán	(7.582.428)
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Tổng Công ty	Phải trả khác - Lãi vay	(672.510.000)
Công ty Cổ phần Lilama 18	Thành viên Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	1.286.645.976
Công ty Cổ phần Lilama 69 - 2	Thành viên Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	205.023.232
Công ty Cổ phần Lilama 69 - 1	Thành viên Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	20.535.000
Công ty Cổ phần Lilama 69 - 1	Thành viên Tổng Công ty	Phải trả nợ bán	(7.734.961.435)
Công ty Cổ phần Lilama 3	Thành viên Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	581.631.239
Công ty Cổ phần Lilama 45-3	Thành viên Tổng Công ty	Phải thu khác	7.275.000
Công ty Cổ phần Lilama 45-3	Thành viên Tổng Công ty	Phải trả khác	(29.237.508)
Công ty Cổ phần Lilama 7	Thành viên Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	94.452.001
Công ty Cổ phần Lilama 7	Thành viên Tổng Công ty	Phải trả nợ bán	(518.679.568)
Công ty Cổ phần Lilama Ninh Bình	Thành viên Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	2.310.079.217
Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm cũ	Thành viên Tổng Công ty	Phải trả nợ bán	(16.242.000)
Công ty TNHH Chế tạo thi công & lắp đặt Hầm Phông	Thành viên Tổng Công ty	Phải trả nợ bán	(33.000.000)

**\*Mức chi tiêu ánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

Chỉ tiêu	Năm nay		Năm trước
	Thực tế	So sánh	
<b>1. Bức cơ cấu tài sản và cấu trúc nguồn vốn</b>			
<i>1.1 Bức cơ cấu tài sản</i>			
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	31,63%	24,64%

- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	68,37%	75,36%
<b>1.2. B trí c c u v n</b>			
- N ph i tr /T ng ngu n v n	%	74,29%	67,75%
- Ngu n v n CSH/T ng ngu n v n	%	25,71%	32,25%
<b>2. Kh n ng thanh toán</b>			
2.1 T ng tài s n/T ng n ph i tr	L n	1,35	1,48
2.2. T ng tài s n LD và u t ng n h n/T ng n ng n h n	L n		
2.3 T ng t i n và các kho n u t tài chính ng n h n/T ng n ng n h n	L n	0,23	0,04
2.4 Giá tr thu n c a TSC mua s m b ng vay dài h n ho c n dài h n/T ng tài s n	L n		
<b>3. T su t sinh l i</b>			
<b>3.1. L i nhu n/ doanh thu</b>			
- L i nhu n tr c thu /Doanh thu thu n+TN ho t ng tài chính + thu nh p khác	%	5,83%	6,72%
- L i nhu n sau thu /Doanh thu thu n+TN ho t ng tài chính + thu nh p khác	%	4,92%	6,72%
<b>3.2. L i nhu n/T ng tài s n</b>			
- L i nhu n tr c thu /T ng tài s n	%	5,81%	6,24%
- L i nhu n sau thu /T ng tài s n	%	4,90%	6,24%
3.3. L i nhu n sau thu /Ngu n v n CSH	%	19,07%	19,35%

**S li u so sánh**

S li u so sánh là s li u trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 ã c Công ty TNHH Kế toán ASNAF Vi t Nam th c hi n. S li u này ã c phân lo i l i cho phù h p so sánh v i s li u kỳ này.

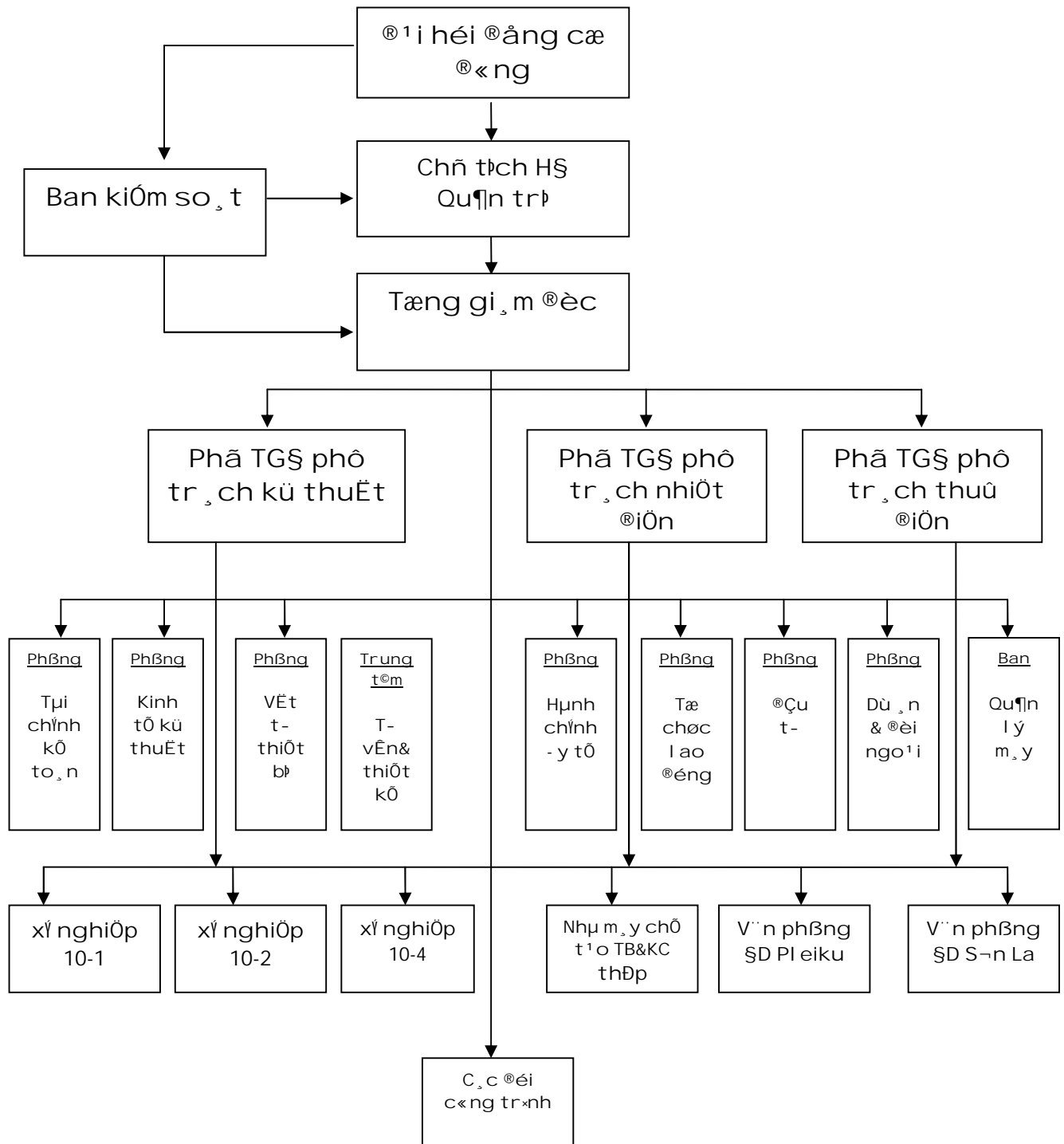
**Phụ lục 01: Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phong tiển vật tư	Thiết bị ĐCQL	Tài sản còn lại khác	Cộng
<b>Nguyên giá TSC</b>						
Sở hữu vốn	<b>8.983.366.653</b>	<b>27.647.282.987</b>	<b>60.909.526.499</b>	<b>1.536.184.684</b>	<b>778.112.668</b>	<b>99.854.473.491</b>
Sở hữu trong năm	-	3.850.662.664	24.456.587.634	141.827.285	-	28.449.077.583
- Mua trong năm		3.850.662.664	24.456.587.634	141.827.285		28.449.077.583
- Từ XDCB hoàn thành						-
- Từ do đầu tư chuyển nhượng các NV						-
- Kết chuyển từ B tài sản hữu hình						-
- Từ khác						-
Sở hữu trong năm	-	-	3.279.302.900	-	-	3.279.302.900
- Chuyển sang B tài sản hữu hình						-
- Thanh lý, nhượng bán			3.279.302.900			3.279.302.900
- Đầu tư chuyển nhượng NV khác						-
- Từ khác						-
Sở hữu cuối năm	<b>8.983.366.653</b>	<b>31.497.945.651</b>	<b>82.086.811.233</b>	<b>1.678.011.969</b>	<b>778.112.668</b>	<b>125.024.248.174</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Sở hữu vốn	<b>6.788.354.547</b>	<b>23.555.648.499</b>	<b>43.216.010.885</b>	<b>892.072.920</b>	<b>319.226.506</b>	<b>74.771.313.357</b>
Sở hữu trong năm	842.730.488	2.966.560.335	13.198.811.313	187.515.248	109.854.315	17.305.471.699
- Khu hao trong năm	842.730.488	2.966.560.335	13.198.811.313	187.515.248	109.854.315	17.305.471.699
- Từ do đầu tư chuyển nhượng NV khác						-
- Kết chuyển từ B tài sản hữu hình						-
- Từ khác						-
Sở hữu trong năm	-	-	3.279.302.900	-	-	3.279.302.900
- Chuyển sang B tài sản hữu hình						-
- Thanh lý, nhượng bán			3.279.302.900			3.279.302.900
- Đầu tư chuyển nhượng NV khác						-
- Giá trị khác						-
Sở hữu cuối năm	<b>7.631.085.035</b>	<b>26.522.208.834</b>	<b>53.135.519.298</b>	<b>1.079.588.168</b>	<b>429.080.821</b>	<b>88.797.482.156</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tính ngày đầu năm	<b>2.195.012.106</b>	<b>4.091.634.488</b>	<b>17.693.515.614</b>	<b>644.111.764</b>	<b>458.886.162</b>	<b>25.083.160.134</b>
Tính ngày cuối năm	<b>1.352.281.618</b>	<b>4.975.736.817</b>	<b>28.951.291.935</b>	<b>598.423.801</b>	<b>349.031.847</b>	<b>36.226.766.018</b>

**VII. Tổ chức và nhân sự: Thời điểm 31 tháng 12 năm 2009**

- Cấu trúc của công ty: Bảng máy quản lý và tổ chức của Công ty được thể hiện theo mô hình công ty cổ phần với nhân sự như sau:

**Sơ đồ 02: Bảng máy quản lý và tổ chức**



## H I NG QU N TR VÀ BAN GIÁM C

### Các thành viên c a H i ng Qu n tr bao g m :

Bà Th Mai H ng	Ch t ch H QT	Mi n nhi m ngày 18/04/2009
Ông Tr n ình i	Ch t ch H QT	B nhi m ngày 18/04/2009
Ông Tr ng Th Vinh	Thành viên	B nhi m ngày 18/04/2009
Ông ng V n Long	Thành viên	
Ông Nguy n c Tu n	Thành viên	
Ông Tr nh Ng c Tu n Hùng	Thành viên	B nhi m ngày 18/04/2009

### Các thành viên c a Ban Giám c bao g m:

Ông Tr n ình i	T ng Giám c	Mi n nhi m ngày 22/7/2009
Ông Nguy n c Tu n	T ng Giám c	B nhi m ngày 22/7/2009
Ông V Duy Thêm	Phó T ng Giám c	B nhi m ngày 22/7/2009
Ông Tr n V n Ti n	Phó T ng Giám c	
Ông V n Th ng	Phó T ng Giám c	B nhi m ngày 22/7/2009
Ông ng V n Long	Phó T ng Giám c	

### Các thành viên Ban ki m soát bao g m:

Ông Hà Th ng D ng	Tr ng Ban ki m soát	Mi n nhi m ngày 18/04/2009
Bà Nguy n Th Thu Trang	Tr ng Ban ki m soát	B nhi m ngày 18/04/2009
Ông Tr n V n Doãn	Thành viên	
Ông Tr n V n Ngh a	Thành viên	B nhi m ngày 18/04/2009

### Tóm t t lý l ch c a các cá nhân trong Ban i u hành

TT	H & tên	Chức vụ	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ	CMND	Ngày cấp Giấy phép
1	Trần Đình Hải	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	13/10/1961	Số nhà 01 – D7 – Thanh Xuân Bắc – Thanh Xuân – Hà Nội	012681713	12/4/2004 - CA Hà Nội
2	Nguyễn Tuấn	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	14/12/1961	P206 – A13 – Kim Giang – Thanh Xuân – Hà Nội	011871706	09/9/1998 CA Hà Nội
4	Nguyễn Văn Long	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	23/03/1970	Số 8A – Lô 12 Khu đô thị mới Công – Hà Nội	012511203	29/03/2002 CA Hà Nội
3	Trần Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc	23/05/1953	19/33 Phố Nguyễn P. Liệt – Giai – Ba Đình – Hà Nội	012714042	04/6/1994 CA Hà Nội
5	Vũ Duy Thêm	Phó Tổng Giám đốc	23/5/1960	Số 9- D7- Thanh Xuân Bắc- Thanh Xuân- Hà Nội	013053655	20/3/2008 -CA Hà Nội
6	Đỗ Văn Thường	Phó Tổng Giám đốc	09/8/1959	Số 4- Ngách 475/41- Nguyễn Trãi- Thanh Xuân- Hà Nội	B2559018	28/9/2008 - Cục QLXNC

- Thay Tổng Giám đốc hiện hành trong năm:

- Ông Trần Đình Hải Tổng Giám đốc Nhiệm kỳ ngày 22/7/2009

- Ông Nguyễn Tuấn Tổng Giám đốc Nhiệm kỳ ngày 22/7/2009

- Quy định của Ban Giám đốc: tín dụng, thanh toán của Ban Giám đốc và các quy định khác của Ban Giám đốc: Căn cứ vào quy chế tín dụng của Công ty quy định tín dụng thanh toán của Ban Giám đốc:

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đãi ngộ: 2.262 CBCNV

- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị / Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:

+ Thay đổi thành viên hội đồng quản trị:

Bà Mai Hoàng Chết HQT Nhiệm kỳ ngày 18/04/2009

Ông Trần Đình Hải Chủ tịch HQT Nhiệm kỳ ngày 18/04/2009

Ông Trần Văn Vinh Thành viên HQT Nhiệm kỳ ngày 18/04/2009

Ông Trần Ngọc Tuấn Hùng Thành viên HQT Nhiệm kỳ ngày 18/04/2009

+ Thay đổi Ban giám đốc:

Ông Trần Đình Hải	Tổng Giám đốc	Mi nhiệm kỳ ngày 22/7/2009
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	B nhiệm kỳ ngày 22/7/2009
Ông Võ Duy Thêm	Phó Tổng Giám đốc	B nhiệm kỳ ngày 22/7/2009
Ông Võ Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc	B nhiệm kỳ ngày 22/7/2009
Ông Trần Văn Ngọc Tuấn Hùng	Kế toán trưởng	B nhiệm kỳ ngày 16/3/2009

**+ Thay đổi Ban kiểm soát :**

Ông Hà Thế Dũng	Trưởng Ban kiểm soát	Mi nhiệm kỳ ngày 18/04/2009
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát	B nhiệm kỳ ngày 18/04/2009
Ông Trần Văn Nghĩa	Thành viên	B nhiệm kỳ ngày 18/04/2009

**VIII. Thông tin công đồng/thành viên góp vốn và Quản trị công ty**

**1. Hội đồng quản trị / Hội đồng thành viên / Chủ tịch và Ban kiểm soát / Kiểm soát viên:**

- Thành viên và chức vụ của HĐQT, Ban kiểm soát, thành viên và chức vụ Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Chủ tịch công ty

**+ Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:**

Ông: Trần Đình Hải	CTH HĐQT	Thành viên chấp hành
Ông: Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	Tổng Giám đốc
Ông: Võ Văn Long	Thành viên	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Trần Văn Ngọc Tuấn Hùng	Thành viên	Kế toán trưởng
Ông: Trần Văn Vinh	Thành viên	Trưởng phòng Tổ chức LĐ

**+ Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:**

Ông : Nguyễn Tuấn Tiến Tổng Giám đốc  
 Ông : Võ Duy Thêm Phó Tổng Giám đốc  
 Ông : Trần Văn Tiến Phó Tổng Giám đốc  
 Ông : Nguyễn Văn Long Phó Tổng Giám đốc  
 Ông : Văn Thế Ngọc Phó Tổng Giám đốc

**+ Các thành viên Ban kiểm soát bao gồm:**

Ông : Hà Thế Ngọc Tr. Ban kiểm soát Thành viên độc lập không liên quan  
 Bà : Nguyễn Thị Thu Trang Thành viên Thành viên độc lập không liên quan  
 Ông : Trần Văn Doãn Thành viên Thành viên độc lập không liên quan

**\* Hoạt động của HĐQT:**

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần LILAMA10, HĐQT đã xây dựng kế hoạch công tác, chương trình làm việc cụ thể, hoạch định chiến lược phát triển Công ty theo từng giai đoạn. Trong năm 2009, HĐQT đã họp 07 phiên thường kỳ và bất thường, các phiên họp có sự tham gia của Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, có phiên mở rộng tới Ban điều hành, lãnh đạo Công ty. HĐQT thống nhất ban hành các nghị quyết chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty và giao cho Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện

**+ Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:**

HQĐT đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và HĐQT. Ngoài ra HĐQT còn chú trọng công tác quản lý rủi ro, triển khai đồng thời việc chuẩn hoá các quy trình, quy chế, quy định điều hành của Tổng Giám đốc trong hoạt động SXKD và các lĩnh vực hoạt động khác của Công ty. Kịp thời phát hiện và khắc phục các điểm yếu, tạo đà cho phát triển bền vững, đảm bảo cân đối hài hoà cho lợi ích của Công ty, Nhà nước, của cổ đông và đối tác, bạn hàng cũng như quyền lợi người lao động.



Năm 2009, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt vai trò quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động SXKD của Công ty. HĐQT đã đưa ra định hướng đúng đắn, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo thực hiện hoạt động SXKD, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra kiểm soát, do đó đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

+ Kết quả chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2009:

Từng phiên họp HĐQT đã xem xét kiểm điểm, đánh giá và có những nghị quyết chỉ đạo SXKD sát với tình hình thực tế, phù hợp với chiến lược phát triển của công ty. Các uỷ viên HĐQT đã chủ động thực hiện các nội dung của nghị quyết đã đề ra và hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công. So với các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2009, Công ty cổ phần LILAMA10 đã thực hiện hoàn thành chỉ tiêu chủ yếu đã đề ra như báo cáo kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2009.

**\* Hoạt động của Ban kiểm soát :**

**+ Các cuộc họp của BKS năm 2009 và kế hoạch hoạt động năm 2010.**

Trong năm 2009 BKS Công ty đã tiến hành họp thường kỳ

- **Họp lần 1:** ngày 03/04/2009, gồm 3 thành viên:

- Kiểm tra tình hình SXKD năm 2008 và quý I năm 2009

- Kiểm tra báo cáo tài chính năm 2008

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và đóng góp các ý kiến trong phạm vi trách nhiệm của BKS

+ **Họp lần 2:** ngày 20/7/2009, gồm 3 thành viên:

- Kiểm tra tình hình SXKD 6 tháng đầu năm

- Kiểm tra công tác triển khai các dự án đầu tư và mua sắm máy móc, phương tiện thi công

- Kiến nghị về tình hình hoạt động của Công ty quý III, IV để đảm bảo đạt kế hoạch chung đề ra cho năm 2009.

+ **Họp lần 3:** ngày 30/12/2009, gồm 3 thành viên:

- Kiểm tra tình hình SXKD năm 2009

- Kiểm tra tổng kết công tác triển khai các dự án đầu tư.

- Kiểm tra số liệu tài chính năm 2009 và kế hoạch thực hiện họp Đại hội đồng cổ đông năm 2010.

\* Trong năm 2009 Ban kiểm soát công ty sẽ tiếp tục thực hiện các cuộc họp định kỳ, tham gia vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị công ty. Tiếp tục kiểm tra, phối hợp với HĐQT và Ban tổng giám đốc trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư... nhằm

đảm bảo việc tuân thủ các quy định của Nhà nước và Điều lệ hoạt động của công ty với mục tiêu thực hiện các chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Trong năm 2009, Ban kiểm soát không nhận được ý kiến nào của các cổ đông về các vấn đề liên quan đến điều hành hoạt động SXKD của Ban lãnh đạo công ty.

- **Kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2009** : Ban kiểm soát xác nhận Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán ASNAF Việt Nam đã được lập theo đúng các quy định của Chế độ kế toán, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của pháp luật.

- **Kiểm soát hoạt động và đánh giá công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã có sự phối hợp chặt chẽ trong việc quản trị và điều hành hoạt động của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước, tuân thủ Điều lệ và các quy định, quy chế nội bộ của Công ty và bám sát Nghị quyết Đại hội cổ đông.

Trong năm 2009, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành các phiên họp thường kỳ và theo vụ việc nhằm đưa ra định hướng phát triển Công ty, chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch SXKD, công tác đầu tư và các mặt hoạt động, quản lý khác của Công ty.

Xuất phát từ thực tế hoạt động và chiến lược phát triển của Công ty, trong năm qua, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc bổ nhiệm mới Tổng giám đốc, bổ nhiệm thêm 02 phó Tổng giám đốc và cơ cấu lại tổ chức và nhân sự một số phòng ban, chi nhánh trong Công ty. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành soạn thảo và ban hành mới một số quy chế, quy định nội bộ, hoàn thành việc nâng cấp hệ thống quản lý chất lượng từ ISO 9001:2000 sang ISO 9001:2008 nhằm nâng cao công tác quản lý và kiểm soát nội bộ của Công ty.

Việc triển khai các dự án đầu tư được Công ty thực hiện theo đúng quy định hiện hành về đầu tư, đấu thầu và xây dựng cơ bản. Giá trị thực hiện đầu tư các dự án và giá trị đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ SXKD đã thực hiện trong năm 2009 là 171,193 tỷ đồng, cụ thể:

- Dự án thủy điện Nậm Công 3 : 71,0 tỷ
- Dự án Tòa nhà Lilama 10 : 72,528 tỷ

- Các dự án đầu tư phương tiện, trang thiết bị: 27,665 tỷ

Tỷ lệ thực hiện đạt 71,3 % so với kế hoạch đầu tư. Nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Dự án thủy điện Nậm Công 3 hiện đang chậm khoảng 03 tháng so với tiến độ đề ra do năng lực tài chính và năng lực thi công của nhà thầu kém. Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo Ban điều hành nghiên cứu đề xuất biện pháp khắc phục.
- Một số dự án tăng cường năng lực thi công được tạm hoãn triển khai hoặc triển khai chậm hơn so với kế hoạch do chưa thực sự cần thiết.

Sau khi tiến hành rà soát các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, Công ty đã hoàn thành việc rút vốn đầu tư với số tiền 9 tỷ đồng ra khỏi Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na và đang xúc tiến việc rút vốn ra khỏi Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển đô thị Lilama. Vốn thu hồi được sử dụng làm vốn đối ứng đầu tư các dự án của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Công ty cũng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn trong việc huy động vốn phục vụ thi công, sự biến động giá cả vật tư thiết bị, chủ đầu tư giao mặt bằng, thiết bị chậm, không đồng bộ, .. Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, Công ty vẫn luôn đảm bảo tiến độ và chất lượng thi công tại các công trình, giữ vững uy tín và thương hiệu của Công ty.

Trong năm 2009, Ban kiểm soát không nhận được ý kiến nào của cổ đông liên quan đến việc quản trị và điều hành Công ty của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

#### **+Kiến nghị và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2010:**

Xuất phát từ thực tế hoạt động năm 2009 của Công ty, Ban kiểm soát đề nghị:

- Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành có biện pháp kịp thời đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án nhà máy thủy điện Nậm Công, đưa Dự án vào vận hành sớm nhất có thể.
- Sớm quyết toán đưa vào bàn giao sử dụng đối với Dự án cầu KC50-42 Hòa Bình.
- Tiếp tục chú trọng vấn đề giáo dục thường xuyên và nâng cao ý thức chấp hành các nội quy, quy định về an toàn lao động đối với CBCNV Công ty.

+ Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2010

- Tiếp tục nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính tuân thủ, trung thực và cẩn trọng trong việc quản lý và điều hành các mặt hoạt động của Công ty;
- Thẩm định báo cáo tài chính năm, 6 tháng của Công ty;
- Phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty thông qua việc tham gia các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị, đóng góp ý kiến đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong công tác điều hành, quản lý Công ty;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Đại hội cổ đông giao phó.

**- K ho ch t ng c ng hi u qu trong ho t ng qu n tr công ty:**

T ng c ng công tác kiểm tra giám sát vi c i u hành c a T ng Giám c trong ho t ng SXKD, th c hi n các ch chính sách c a Nhà N c c ng nh các Ngh quy t, quy t nh c a H QT. Th c hi n t t công tác qu n lý các m t ho t ng c a công ty trên c s ó i u hành các m t SXKD sát v i tình hình th c t và t hi u qu cao nh t.

Ti p t c kiểm tra giám sát vi c th c hi n các quy ch ã ban hành, ch o so n th o ban hành quy ch qu n lý c n thi t. Xem xét các ki n ngh c a T ng Giám c có s i u ch nh, b sung m t s n i dung c a các quy ch ã ban hành cho phù h p v i yêu c u c a SXKD.

Ch o b máy qu n lý và i u hành c a công ty nh m th c hi n th ng l i các ch tiêu k ho ch c a n m 2010: 690 tỷ đồng, Tổng Doanh thu : 540 tỷ đồng, Lợi nhuận trước thuế : 30,35 tỷ đồng, Nộp ngân sách: 25,13 tỷ đồng, Tỷ suất lợi nhuận/ vốn : 33,72%, Tỷ suất lợi nhuận/ doanh thu : 5,62 %; Thu nhập bình quân: 3,9 triệu đồng/ người/tháng; Cổ tức : 15%.

- Xây dựng đội ngũ CBCNV có chất lượng cao đảm bảo đủ năng lực để thực hiện tốt các dự án và không ngừng nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp trong giai đoạn tới. Sử dụng nguồn tài chính hợp lý và hiệu quả, sử dụng linh hoạt công cụ nợ trong cân đối để giảm chi phí sử dụng vốn cũng như tăng hiệu quả đầu tư.

- Tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện cơ chế phân phối tiền lương theo hướng gắn thu nhập với hiệu quả và khối lượng công việc thực hiện, dùng tiền lương là công cụ đòn bẩy trong việc thúc đẩy tăng năng suất và chất lượng công việc.

- Chỉ đạo tăng cường công tác quảng bá để hình ảnh, thương hiệu của Công ty Cổ phần Lilama10 được nhận diện trên diện rộng nhằm tiếp thị, tìm kiếm việc làm, đặc biệt chú trọng thị trường ở nước ngoài như LIBI, Quarta...

- Đầu tư chiều sâu tăng cường năng lực, phương tiện thiết bị phục vụ thi công với giá trị 35,53 tỷ đồng

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng công trình thủy điện Nậm Công 3 sẽ đưa vào khai thác sử dụng trong quý IV/2010.

- Đẩy nhanh tiến độ dự án xây dựng Toà nhà Lilama10 (giai đoạn I) kế hoạch ngày 10/10/2010 đưa vào khai thác sử dụng làm văn phòng và cho thuê.

- Tiếp tục đầu tư Toà nhà Lilama10 (giai đoạn II) Qui mô và diện tích xây dựng tầng dự kiến khoảng: 1.430 m<sup>2</sup>, gồm 02 khối, chiều cao từ 25 đến 27 tầng tại xã Trung Văn – Huyện Từ Liêm – TP. Hà Nội. Dự kiến khởi công vào quý III/2010.

- Rút vốn tại Công ty cổ phần Đầu tư & phát triển Đô thị Lilama để tập trung nguồn vốn cho dự án đầu tư của Công ty: Công ty Cổ phần LILAMA10 hiện là cổ đông đang nắm giữ 2.250.000 cổ phần (14,06% vốn điều lệ) tương đương với số tiền 26.280.793.625 đồng (Bằng chữ: Hai sáu tỷ, hai trăm tám mươi triệu, bảy trăm chín ba nghìn, sáu trăm hai lăm đồng).

**- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT/Chức vụ và thành viên Ban kiểm soát/:**

Thực hiện quy định hiện hành công ty năm 2009, Công ty cổ phần LILAMA10 báo cáo tình hình thù lao cho HĐQT/Chức vụ và thành viên Ban kiểm soát và th ký năm 2009 như sau:

- Chức vụ HĐQT bằng 04 lần năm công ty thi u chung hi n hành theo vùng.

- Thành viên HĐQT và Trưởng BKS bằng 03 lần năm công ty thi u chung hi n hành theo vùng.

- Thành viên Ban kiểm soát và th ký bằng 02 lần năm công ty thi u chung hi n hành theo vùng. ( Vùng theo TP Hà n i n m 2009 là : 800.000 ng).

C th :

- Số lượng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chức năng hoạt động trong công ty: Không

- Tỷ lệ số vốn góp và nhận thay thế trong tổng số vốn góp của thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên:

TT	Tên công ông	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ %	Biên độ
1	Ông: Trần Đình Hải	Chủ tịch HĐQT-	258.820 CP	2.87 %	Có
2	Ông: Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT- Tổng giám đốc	41.470 CP	0.46 %	Không
3	Ông: Nguyễn Văn Long	Thành viên HĐQT- P. Tổng giám đốc	104.080 CP	1,16 %	Không
4	Ông: Trần Ngọc Tuấn Hùng	Thành viên	29.504 CP	0.32 %	Không
5	Ông: Trần Thanh Vinh	Thành viên	30.245 CP	0.33 %	Không

Thông tin về các giao dịch phi thường/nhận tiền góp của công ty, của các thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, công lý và các giao dịch khác của thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các nội dung nói trên:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông: Trần Đình Hải	Chủ tịch HĐQT	103.610	1.15%	258.820	2.87%	mua
2	Ông: Trần Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc	26.112	0.29%	27.112	0.30%	mua
3	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Tr. Ban kiểm soát	0	0%	1.000	0.011%	mua
4	Ông: Trần Văn Doãn	T.V Ban kiểm soát	12.110	0.13%	110	0.0001%	Bán
5	Ông: Nguyễn Thế Nam	Anh trai ba Nguyễn Thị Thu Trang –Tr.ban KS	4.000	0.044%	0	0%	Bán

- Thông tin về hợp đồng đã được Công ty ký kết trong năm:

TT	Nội dung Hợp đồng	Đối tác	Giá trị Hợp đồng
1	Cung cấp nhân công thi công nhà máy nhiệt điện tại Libya	Công ty TNHH Năng lượng DOOSAN BABCOCK – Vương Quốc Anh	1.523.275 USD
2	Cung cấp nhân công thi công nhà máy nhiệt điện tại Libya	Công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật WEIR	1.362.185 USD.
3	Phụ lục bổ sung hợp đồng chi phí tổ trưởng tổ hợp nhà thầu thi công xây lắp các gói thầu số 6.839.10.11 –DT2- NMXM Bút sơn	Công ty xi măng Bút Sơn	3.500.000.000 đ
4	Giao nhận thầu thi công xây lắp thủy điện Bắc Hà	Công ty cổ phần đầu tư và Xd số 18	38.904.243.000 đ
5	Chế tạo vận chuyển cón, khuỷu TM 3- Thủy điện Hương Điền	Công ty cổ phần đầu tư HD	1.592.252.000 đ
6	Thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công đại tu phục hồi tổ máy số 3-Nhà máy thủy điện Thác Bà	Công ty thủy điện Thác Bà	157.195.387.234 đ
7	Thi công Lắp đặt thiết bị cơ -điện công trình thủy điện Sông Giang 2	Công ty cổ phần khai thác thủy điện Sông Giang	17.856.207.000 đ

## 2. Các dữ liệu tham gia công/ thành viên góp vốn

### 2.1. Công/ thành viên góp vốn trong công ty

- Thông tin chi tiết về các công/ thành viên góp vốn trong công ty
- Thông tin chi tiết về từng công/ thành viên góp vốn nội dung: Tên, năm sinh (công/ thành viên góp vốn cá nhân); địa chỉ liên lạc; Nghề nghiệp (công/ thành viên góp vốn cá nhân), ngành nghề hoạt động (công/ thành viên góp vốn tổ chức); số vốn và tỷ lệ góp vốn trong công ty; những bí quyết và tài sản khác góp vốn/

### Công/ thành viên góp vốn là cá nhân:

TT	Tên công/ thành viên	Năm sinh	Địa chỉ	Nghề nghiệp	Số vốn CP	Tỷ lệ vốn	Bình luận
1	Trần Đình Hải	1961	Số 1 D7- Thanh Xuân Bắc - Thanh Xuân - Hà Nội	Kỹ sư	258.820 CP	2,87%	Có
2	Nguyễn Văn Long	1970	Số 8A- lô 12 khu đô thị mới Minh Công	Thầy giáo Kinh tế	104.080 CP	1,16%	Không

### Công/ thành viên góp vốn là tổ chức:

STT	Tên công ty	Ngành nghề	Địa chỉ	Số vốn CP	Tỷ lệ sở hữu	Bình quân
1	Tên công ty Lắp máy Việt Nam	Chế tạo, xây dựng, lắp đặt	124- Minh Khai - Hà Nội	4.590.000CP	51%	Không

### 2.2.C Ông/thành viên góp vốn nước ngoài

- Thông tin chi tiết về các công/thành viên góp vốn nước ngoài:

- Thông tin chi tiết về từng công/dân thành viên góp vốn: theo nội dung: Tên, ngày sinh (công/thành viên góp vốn cá nhân); địa chỉ liên lạc; Nghề nghiệp (công/thành viên góp vốn cá nhân), ngành nghề hoạt động (công/thành viên góp vốn tổ chức); số vốn và tỷ lệ phần sở hữu/vốn góp trong công ty; những bằng sáng chế và quyền lợi khác.

STT	Tên thành viên	Số chứng minh thư	Địa chỉ	Quốc tịch	Số phần sở hữu L10
<b>Cá nhân</b>					
1	IAN CANTWELL	IS7827	18 BALLYWALTRIM HTS, BRAY, CO.WICKLOW IRELAND	IRISH	30
2	WANG JUNG CHANG	213137361	2/3 KHẮC CƯỜNG P.12 KHU PHỐ THỊ LÂM ĐÀI BẮC ĐÀI LOAN	TAIWAN	67,500
3	SU PAN CHANG	z10781777	14 LÁNG HẠ, HÀ NỘI	TAIWAN	2,500
4	CHEN SHOU CHEN	IA0272	D10/89 Q NATIONAL HIGHWAY 1A, BINH TAN DISTRICT, HCM CITY	TAIWAN	600
5	HITOSHI FUJII	TF9754899	3-6-10-1301 KITA AOYAMA MINATO TOKYO JP	JAPAN	200
6	MIYAZAKI HIDEASA	IA0860	2-6-8 SEKIMA , SAKADO CITY , SAITAMA 350-0215 , JAPAN	JAPAN	4,000
7	YAMADA HIDENORI	IA2658	195, OBOUZU, SATO-CHO, ANJO, AICHI, 446-0001 JAPAN	JAPAN	810
8	MORITA KAYOKO	IA1452	4-19-12-#501,MINAMIYAWATA,ICHIKAWA-SHI,CHIBA-KEN,272-0023 JAPAN	JAPAN	400
9	DOI KATSUNORI	IS8218	719 TOMINAGA TATSUNO-CHO, TATSUNO-SHI, HYOGO 679-4167 JAPAN JAPAN	JAPAN	200
10	MITSUNORI KAWAJIRI	IS2270	1-9-12 NAKAYAMADAI, TAKARAZUKA, HYOGO, JAPAN	JAPAN	100
11	CLIFF LIN	IA2564	2A, YEN THE STREET, WARD 2, TAN BINH DISTRICT, HO CHI MINH CITY	AUSTRALIA	46,190
12	WATARU MIYAZAWA	IS3232	6-5-5-603 CHUOURINKAN YAMATOSHI, KANAGAWA-KEN, JAPAN	JAPAN	100
13	YUTAKA NODA	IS0338	993-5 KOYURUGI SAMUKAWAMACHI KOZAGUN KANAGAWAKEN JAPAN	JAPAN	500
14	SHINICHI SANO	IS0393	307 LA MAREE SHIROKANE, 2-5-5, SHIROGANE, MINATO-KU, TOKYO, JAPAN	JAPAN	100



15	NAKAGAWA SHIGETOMI	TG8466262	4-1-1#1906 FUKADACHO NADAKU KOBESHI HYOGOKEN 657-0038 JAPAN	JAPAN	100
16	SOBEE SHINOHARA	IA3047	3-1-34-719, MINAMI AOYAMA, MINATO-KU, TOKYO, 1070062, JAPAN	JAPAN	2,500
17	MAMAKI TAKAKO	IA0783	SAITAMAKEN HO 1-37-7-102 YOSHIKAWA CI	JAPAN	300
<b>Cộng:</b>					<b>126,130</b>
<b>Tổ chức</b>					
1	IWAI SECURITIES CO., LTD	1299-01- 074788	1-8-16 KITAHAMA CHUO-KU OSAKA 541-0041 JAPAN	JAPAN	7,720
2	NEW-S SECURITIES CO., LTD.	0110-01- 036691	EBISU BLDG, 11-10, 3-CHOME, HIGASHI, SHIBUYA-KU, TOKYO	JAPAN	5,860
<b>Cộng:</b>					<b>13,580</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA10



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Đức Tuấn*